

Bản án số: 149/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN GR, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nH1 dân: Ông Trịnh Hoàng Giang

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nH1 dân huyện GR, tỉnh KG.

- Trường hợp đại diện Viện kiểm sát nH1 dân không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nH1 dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Phong L

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: KP 6, thị trấn GR, huyện Gr, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông Trần Vĩnh H, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp NA, xã Nc, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Kim L đại diện Hộ kinh doanh Phong L nguyên đơn trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 có mua pH1 bón và thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng nhiều lần chưa thanh toán tiền mua hàng bà có yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền nợ nhưng cứ hứa hẹn nhiều lần, bà xét thấy ông H, bà H1 không có thiện trí trả số tiền mua hàng nên bà có làm đơn thưa đến ban lãnh đạo ấp Ngọc An để giải quyết. Vào ngày 25/8/2023, Ban lãnh đạo ấp Ngọc An giải quyết và tại cuộc hòa giải ông H thừa nhận còn nợ số tiền mua hàng là 33.468.000 đồng và đồng ý trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 43.468.000 đồng trong 02 vụ lúa mỗi vụ 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng bà L không đồng ý cho ông H, bà H1 trả dần mà yêu cầu phải trả một lần

thì mới đồng ý với số tiền như ông H thừa nhận, ông H không đồng ý trả một lần nên hai bên hòa giải không thành. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải trả số tiền gốc là 33.468.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 12/3/2017 đến ngày 12/10/2024 là 91 tháng với mức lãi suất 1.67%/tháng tổng số tiền lãi là 50.861.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 84.329.000 đồng và lãi suất cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng bà L có xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền mua vật tư còn nợ gốc là 33.468.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi do ông H tự nguyện tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2023 của Ngọc Ngọc, xã Ngọc Chúc.

Bị đơn ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hoà giải tại Toà án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông H, bà H1.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính từ ngày ngày 12/3/2017 đến ngày 12/10/2024 là 91 tháng với mức lãi suất là 1.67% tổng số tiền lãi là 50.861.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nay bà L yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền gốc còn nợ là 33.468.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi do ông H tự nguyện chịu lãi tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh Phong L do bà Nguyễn Kim L địa diện yêu cầu ông ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải trả số tiền mua pH1 bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 có nơi cư trú tại ấp NA, xã Nc, huyện GR, tỉnh KG Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại Toà án nH1 dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định. Xét bị đơn ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Kim L đại diện nguyên đơn yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền mua pH1 bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền còn nợ là 33.468.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 12/3/2017 đến ngày 12/10/2024 là 91 tháng với mức lãi suất 1.67%, tổng số tiền lãi là 50.861.000 đồng. Tuy nhiên bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền lãi đã tính so với đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền gốc 33.468.000 đồng và lãi 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản hòa giải của ấp Ngọc An, xã Ngọc Chúc, huyện GR, tỉnh KG, ông Trần Vĩnh H xác định còn nợ số tiền gốc là 33.468.000 đồng và phần lãi là 10.000.000 đồng, ông cam kết sẽ trả một năm 02 vụ lúa là Đông xuân 2023 – 2024 (ngày 10/3/2024) sẽ trả 5.000.000 đồng; hè thu (ngày 10/8/2024 sẽ trả 5.000.000 đồng và tiếp tục trả đến hết nợ, nhưng không được bà L đồng ý nên phát sinh tranh chấp nhưng trong quá trình tố tụng bà L đồng ý với số tiền gốc và lãi như ông H thừa nhận nhưng không đồng ý cho trả dần. Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông H, bà H1 là bị đơn được biết nhưng ông H, bà H1 không có ý kiến phản hồi và vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng. *Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Dương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.* Như vậy ông H, bà H1 đã tước bỏ quyền chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên ông H, bà H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật này. Cũng theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Nghĩa vụ trả tiền: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*. Ông H đã thừa nhận còn nợ tiền mua hàng nên điều đó chứng tỏ ông có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng Phong L và còn nợ lại số tiền 33.468.000 đồng và đồng ý trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng, nên vợ chồng ông H phải có trách nhiệm trả tiền còn nợ như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận buộc ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải trả cho hộ kinh doanh Phong L do bà Nguyễn Kim L đại diện số tiền nợ là 33.468.000 đồng và phần lãi là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 43.468.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.108.225 đồng (Hai triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm hai mươi năm đồng), do Võ Thị Hải Y nộp thay theo biên lai thu tiền số 0008976 ngày 21/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện GR, tỉnh KG.

Ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 43.468.000 đồng x 5% = 2.173.400 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 433; Điều 436; Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh Phong L, người đại diện bà Nguyễn Kim L. Buộc ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải trả số tiền mua pH1 bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ gốc là 33.468.000 đồng và lãi 10.000.000 đồng. Tổng cộng 43.468.000 đồng (Bốn ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Trả lại tiền tạm ứng phí cho Hộ kinh doanh Phong L đại diện bà Nguyễn Kim L đã nộp là 2.108.225 đồng (Hai triệu một trăm lẻ tám nghìn hai trăm hai mươi năm đồng), do Võ Thị Hải Y nộp thay theo biên lai thu tiền số 0008976 ngày 21/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện GR, tỉnh KG.

Ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 2.173.400 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn hộ kinh doanh Phong L; ông Trần Vĩnh H, bà Huỳnh Ngọc H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nH1 dân cùng cấp, Viện kiểm sát nH1 dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

